

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DU LỊCH VINACONEX
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102675516 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (84 24) 62 511 666
- Fax : vitc@vinaconexitc.com.vn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Hải Phòng	Văn phòng điều hành Dự án Cát Bà Amatina, khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - Khách sạn Holiday View	Văn phòng điều hành Dự án Cát Bà Amatina, khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh Bất động sản và dịch vụ khách sạn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch	Tái Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Dương Văn Mậu	Phó Chủ tịch	Tái Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Trần Quang Phụng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Vũ Thái Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Đắc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Trung Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Doãn Dũng	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Huy – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Lê Văn Huy

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0517/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của các công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 15 tháng 8 năm 2022 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vào ngày 27 tháng 02 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		287.291.806.448	356.314.410.625
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.919.446.126	77.980.300.355
1.	Tiền	111		819.446.126	70.980.300.355
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.100.000.000	7.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	88.995.258	65.485.458
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		266.061.423	266.061.423
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(177.066.165)	(200.575.965)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.802.439.429	147.838.495.556
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.136.061.006	19.494.452.736
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	21.068.960.982	23.405.764.560
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		202.652.397	202.652.397
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	108.519.765.044	105.860.625.863
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.125.000.000)	(1.125.000.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	21.679.545.608	40.564.245.979
1.	Hàng tồn kho	141		21.679.545.608	40.564.245.979
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		109.801.380.027	89.865.883.277
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.211.539.945	84.276.043.195
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	5.589.840.082	5.589.840.082
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.295.821.651.485	6.807.993.792.462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.353.590.514.601	3.233.590.514.601
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	2.353.590.514.601	3.233.590.514.601
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.241.530	3.483.644.746
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	74.241.530	3.483.644.746
<i>Nguyên giá</i>	222		2.592.866.375	7.938.866.375
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.518.624.845)	(4.455.221.629)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		306.472.400	306.472.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(306.472.400)	(306.472.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.925.964.607.337	3.552.953.853.176
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	545.703.196.678	1.529.243.809.513
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.380.261.410.659	2.023.710.043.663
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.192.288.017	17.965.779.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	16.173.272.632	17.946.764.554
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		19.015.385	19.015.385
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.583.113.457.933	7.164.308.203.087

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.690.389.794.805	5.273.020.175.396
I. Nợ ngắn hạn	310		871.102.852.289	1.208.286.409.029
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	182.869.434.633	519.067.685.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.152.631.177	13.072.290.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.646.352.794	1.450.869.912
4. Phải trả người lao động	314		1.070.413.735	2.595.746.992
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	113.871.424.052	110.437.652.405
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.19	108.602.575	108.602.575
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	103.774.227.156	102.943.795.833
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	457.893.647.700	457.893.647.700
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		716.118.467	716.118.467
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.819.286.942.516	4.064.733.766.367
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	16.659.175.562	33.159.175.562
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.602.627.766.954	1.831.574.590.805
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.892.723.663.128	1.891.288.027.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.892.723.663.128	1.891.288.027.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.100.000.000.000	2.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.100.000.000.000	2.100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.327.375.763	6.327.375.763
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.364.981.195	11.364.981.195
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.842.625.777	4.842.625.777
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(229.811.319.607)	(231.246.955.044)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(231.246.955.044)	(236.661.029.900)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.435.635.437	5.414.074.856
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.583.113.457.933	7.164.308.203.087

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Dũng

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	23.826.727.977	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.826.727.977	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	19.497.561.441	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.329.166.536	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	870.058.876	491.129.817
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	(23.480.458)	633.932.372
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	493.236.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	11.755.221.639	9.606.540.048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.532.515.769)	(9.749.342.603)
11. Thu nhập khác	31	VL.6	8.099.019.106	514.577.757
12. Chi phí khác	32	VL.7	130.867.900	39.867.705
13. Lợi nhuận khác	40		7.968.151.206	474.710.052
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.435.635.437	(9.274.632.551)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.435.635.437</u>	<u>(9.274.632.551)</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Doãn Dũng

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2023



Tổng Giám đốc

Lê Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.435.635.437	(9.274.632.551)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	46.137.005	86.264.223
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	(23.509.800)	140.605.352
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; 4	(74.819)	(61.696)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6	(8.841.857.642)	(491.129.817)
- Chi phí lãi vay	06		-	493.236.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.383.669.819)	(9.045.718.489)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		858.089.898.556	455.674.658.908
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.314.279.422	(323.823.239.072)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(392.464.932.113)	73.139.321.321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.773.491.922	1.153.945.126
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(130.848.439.807)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		478.329.067.968	66.250.527.987
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(333.646.024.503)	(29.717.515.016)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11.325.806.460	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		880.644.878	481.595.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(321.439.573.165)	(29.235.919.360)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(228.946.823.851)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.600.000)	(52.671.768.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(228.950.423.851)</i>	<i>(52.671.768.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(72.060.929.048)</i>	<i>(15.657.159.373)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	77.980.300.355	43.984.608.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		74.819	61.696
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.919.446.126	28.327.510.433

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Doãn Dũng



Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lê Văn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Kinh doanh Bất động sản và dịch vụ khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty đối với hoạt động xây dựng Khu đô thị Du lịch Cái Giá, Cát Bà để bán được thực hiện trong khoảng thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Hải Phòng	Văn phòng điều hành Dự án Cát Bà Amatina, khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex – Khách sạn Holiday View	Văn phòng điều hành Dự án Cát Bà Amatina, khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Văn phòng Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 52 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Văn phòng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau: Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty chủ yếu là chi phí thương hiệu "VINACONEX" nhận chuyển giao quyền sử dụng từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, chi phí công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí thương hiệu

Thương hiệu nhượng quyền là nhãn hiệu "VINACONEX" nhận được từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty chỉ bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Văn phòng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Văn phòng Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Văn phòng Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Văn phòng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Văn phòng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Văn phòng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	478.239.316	1.206.206.041
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	341.206.810	69.774.094.314
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	5.100.000.000	7.000.000.000
Cộng	<u>5.919.446.126</u>	<u>77.980.300.355</u>

2. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu</i>						
ITA	260.698.152	87.595.200	(173.102.952)	260.698.152	64.152.000	(196.546.152)
CTN	1.828.825	48.000	(1.780.825)	1.828.825	78.000	(1.750.825)
VTV	1.695.162	605.000	(1.090.162)	1.695.162	532.400	(1.162.762)
SDT	1.284.226	192.000	(1.092.226)	1.284.226	168.000	(1.116.226)
KDC	325.927	438.200	-	325.927	455.000	-
HPG	229.131	1.202.900	-	229.131	828.000	-
Cộng	<u>266.061.423</u>	<u>90.081.300</u>	<u>(177.066.165)</u>	<u>266.061.423</u>	<u>66.213.400</u>	<u>(200.575.965)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	200.575.965	3.076.713
Trích lập dự phòng bổ sung	-	140.605.352
Hoàn nhập dự phòng	(23.509.800)	-
Số cuối kỳ	<u>177.066.165</u>	<u>143.682.065</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	690.609.974	690.609.974
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hòa Bình	571.746.402	571.746.402
Các khách hàng mua Dự án Bất động sản	19.844.943.988	18.203.335.718
Các khách hàng khác	28.760.642	28.760.642
Cộng	<u>21.136.061.006</u>	<u>19.494.452.736</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán****4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.248.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	1.248.000.000	1.620.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>19.820.960.982</i>	<i>21.785.764.560</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Xây dựng Việt Nam	2.125.500.000	2.834.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng G&P Việt Nam	2.530.145.000	2.530.145.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Phát triển Thương mại Việt Nam	3.972.900.000	2.994.571.173
Các nhà cung cấp khác	11.192.415.982	13.427.048.387
Cộng	<u>21.068.960.982</u>	<u>23.405.764.560</u>

4b. Trả trước cho người bán dài hạn – Bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng (Vinaconex CM) ^(*)	2.353.590.514.601	3.233.590.514.601
Cộng	<u>2.353.590.514.601</u>	<u>3.233.590.514.601</u>

^(*) Là các khoản tạm ứng theo các hợp đồng thi công xây dựng liên quan đến Dự án Cát Bà Amatina.**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng phát triển Dự án và hoạt động của Công ty	102.149.013.314	-	99.478.313.314	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông 1	1.173.829.096	-	1.173.829.096	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Anh	1.125.000.000	(1.125.000.000)	1.125.000.000	(1.125.000.000)
Dự thu lãi tiền gửi	15.903.562	-	26.564.383	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.056.019.072	-	4.056.919.070	-
Cộng	<u>108.519.765.044</u>	<u>(1.125.000.000)</u>	<u>105.860.625.863</u>	<u>(1.125.000.000)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	21.679.545.608	-	40.564.245.979	-
Cộng	<u>21.679.545.608</u>	<u>-</u>	<u>40.564.245.979</u>	<u>-</u>

^(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của 08 căn biệt thự BT4 của Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà dự kiến sẽ được bàn giao cho khách hàng cuối năm 2023.**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	526.917.434	756.779.438
Chi phí thuê kho, thuê VP	545.304.069	545.304.069
Chi phí thương hiệu nhượng quyền	14.650.000.000	16.150.000.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	451.051.129	494.681.047
Cộng	<u>16.173.272.632</u>	<u>17.946.764.554</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	5.346.000.000	151.818.182	1.817.775.096	339.331.157	283.941.940	7.938.866.375
Thanh lý, nhượng bán	(5.346.000.000)	-	-	-	-	(5.346.000.000)
Số cuối kỳ	-	151.818.182	1.817.775.096	339.331.157	283.941.940	2.592.866.375
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	151.818.182	1.817.775.096	234.240.248	243.751.940	2.447.585.466
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.960.810.270	151.818.182	1.817.775.096	276.024.384	248.793.697	4.455.221.629
Khấu hao trong kỳ	31.256.855	-	-	17.515.152	6.698.334	55.470.341
Thanh lý, nhượng bán	(1.992.067.125)	-	-	-	-	(1.992.067.125)
Số cuối kỳ	-	151.818.182	1.817.775.096	293.539.536	255.492.031	2.518.624.845
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.385.189.730	-	-	63.306.773	35.148.243	3.483.644.746
Số cuối kỳ	-	-	-	45.791.621	28.449.909	74.241.530
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	306.472.400	(306.472.400)	-
Số cuối kỳ	<u>306.472.400</u>	<u>(1.204.966.966)</u>	-
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	306.472.400		
Chờ thanh lý			-

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà (*)	545.703.196.678	545.703.196.678	1.529.243.809.513	1.529.243.809.513
Cộng	<u>545.703.196.678</u>	<u>545.703.196.678</u>	<u>1.529.243.809.513</u>	<u>1.529.243.809.513</u>

(*) Là chi phí dở dang của các phân khu chờ kết chuyển để bán thuộc Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà tại thị trấn Cát Bà và xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân loại từ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	
			Số đầu năm	Số cuối kỳ
Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà	2.023.710.043.663	372.440.333.212	984.111.033.784	3.380.261.410.659
Cộng	<u>2.023.710.043.663</u>	<u>372.440.333.212</u>	<u>984.111.033.784</u>	<u>3.380.261.410.659</u>

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 139.271.729.439 VND (cùng kỳ năm trước là 120.184.437.388 VND).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>159.382.742.044</u>	<u>488.162.754.315</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	159.382.742.044	488.162.754.315
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>23.486.692.589</u>	<u>30.904.930.826</u>
Các nhà cung cấp khác	23.486.692.589	30.904.930.826
Cộng	<u>182.869.434.633</u>	<u>519.067.685.141</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất Nhà biệt thự BT4	7.152.631.177	13.072.290.004
Cộng	<u>7.152.631.177</u>	<u>13.072.290.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.746.781.722	-	-	-	1.746.781.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.843.058.360	-	-	-	3.843.058.360
Thuế thu nhập cá nhân	682.545.290	-	570.169.921	(750.040.399)	502.674.812	-
Thuế tài nguyên	553.147.076	-	2.754.053.040	(1.555.838.500)	1.751.361.616	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	215.177.546	-	2.815.422.720	(1.638.283.900)	1.392.316.366	-
Cộng	1.450.869.912	5.592.740.082	6.142.645.681	(3.947.162.799)	3.646.352.794	5.589.840.082

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức 85.000 VND/m³ và thuế suất 10%.**Thuế bảo vệ môi trường**Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng với mức 5.000 VND/m³.**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả**15a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công trích trước của các đối tượng:	37.398.352.441	37.494.528.861
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông I</i>	<i>12.912.120.057</i>	<i>12.912.120.057</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Công trình Hạ tầng</i>	<i>7.009.176.294</i>	<i>7.009.176.294</i>
<i>Công ty Thành An 116 - Tổng Công ty Thành An - BQP</i>	<i>5.160.472.083</i>	<i>5.160.472.083</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>12.316.584.007</i>	<i>12.412.760.427</i>
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (*)	28.869.381.672	24.869.381.672
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	47.603.689.939	48.073.741.872
Cộng	113.871.424.052	110.437.652.405

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15b. Chi phí phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (*)	16.659.175.562	33.159.175.562
Cộng	<u>16.659.175.562</u>	<u>33.159.175.562</u>

(*) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch đã đồng ý cho Công ty thực hiện cơ cấu nợ, thời gian trả nợ lãi được bắt đầu từ tháng 12/2020 cho đến tháng 12/2024. Các chi phí lãi vay trên được phân loại theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-20091205/PL05 ngày 11/12/2019 đã ký giữa Công ty với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch.

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	57.802.680	124.293.196
Bảo hiểm y tế	18.278.545	18.278.544
Khách hàng góp vốn để mua đất tại Khu B2 và B3 thuộc Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	60.051.472.186	60.051.472.186
Khách hàng nộp tiền đặt chỗ mua nhà ở tại khu Biệt thự song lập/liền kề A3 thuộc Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	39.229.128.675	39.229.128.675
Khách hàng góp vốn mua đất và xây dựng tại Khu Biệt thự BT4 thuộc Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	523.090.443	523.090.443
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	180.282.000	183.882.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.714.172.627	2.813.650.789
Cộng	<u>103.774.227.156</u>	<u>102.943.795.833</u>

16b. Phải trả dài hạn khác – Bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (*)	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
Cộng	<u>2.200.000.000.000</u>	<u>2.200.000.000.000</u>

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 31/2021/HTĐT-VCG-VCR ngày 10/06/2021 Công ty (Bên A) và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Bên B) cùng nhau Hợp tác đầu tư Phân khu CT02 và Hạ tầng kết nối Phân khu CT02 của Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà tại thị trấn Cát Bà, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Hạng mục hợp tác: Phân khu CT02 và Hạ tầng kết nối Phân khu CT02 của Dự án Cát Bà Amatina theo tiến độ thực hiện dự kiến là 08 năm. Bên A góp vốn hợp tác đầu tư bằng tài sản và giá trị quyền đầu tư kinh doanh khai thác Phân khu CT02. Bên B góp vốn hợp tác đầu tư là 2.200.000.000.000 VND bằng tiền mặt. Phân chia lợi nhuận: Bên B được hưởng 50% lợi nhuận từ Phân khu CT02. Khoản lợi nhuận được phân chia thực tế phụ thuộc vào quyết toán cuối cùng của Phân khu CT02, tuy nhiên Bên A đảm bảo mức lợi nhuận được phân chia cho Bên B trong thời gian hợp tác đầu tư không thấp hơn 15%/năm trên số dư thực tế mức góp vốn đầu tư của Bên B theo từng thời điểm vào Phân khu CT02. Bên A được hưởng 50% lợi nhuận từ Phân khu CT02 hoặc phần lợi nhuận còn lại trong trường hợp bên A thực hiện nghĩa vụ đảm bảo Mức lợi nhuận tối thiểu của Bên B. Lợi nhuận của Phân khu CT02 được tính theo nguyên tắc doanh thu trừ chi phí và sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay**

Là Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số LD2029400338 ngày 22/10/2020. Mục đích vay để Đầu tư dự án khu đô thị du lịch Cái Giá- Cát Bà (Giai đoạn 1) tại Thị trấn Cát Bà, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng (Giai đoạn 1) với hạn mức cho vay là 2.500.000.000.000 VND và lãi suất cho vay: Cố định 18 tháng đầu tiên là 10,5%/năm, từ tháng thứ 19 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được điều chỉnh bằng Lãi suất cơ sở VNĐ trung và dài hạn được Sacombank niêm yết tại trang web của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 3,05%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần hoặc theo thông báo của Sacombank theo từng thời điểm. Thời hạn cho vay: 07 năm (84 tháng), số kỳ trả nợ là 11 kỳ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 25/10/2022, các kỳ trả nợ tiếp theo định kỳ 6 tháng/lần vào ngày 25/4 và 25/10 hàng năm. Tài sản đảm bảo: Thế chấp quyền sử dụng đất thuộc một phần dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	457.893.647.700	457.893.647.700
Trên 1 năm đến 5 năm	1.602.627.766.954	1.831.574.590.805
Cộng	<u>2.060.521.414.654</u>	<u>2.289.468.238.505</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn</u>
Số đầu năm	457.893.647.700	1.831.574.590.805
Kết chuyển từ vay dài hạn	228.946.823.851	(228.946.823.851)
Số tiền vay đã trả	<u>(228.946.823.851)</u>	-
Số cuối kỳ	<u>457.893.647.700</u>	<u>1.602.627.766.954</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	2.100.000.000.000	6.327.375.763	11.364.981.195	4.842.625.777	(236.661.029.900)	1.885.873.952.835
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(9.274.632.551)	(9.274.632.551)
Số dư cuối kỳ	2.100.000.000.000	6.327.375.763	11.364.981.195	4.842.625.777	(245.935.662.451)	1.876.599.320.284
Kỳ này						
Số dư đầu năm	2.100.000.000.000	6.327.375.763	11.364.981.195	4.842.625.777	(231.246.955.044)	1.891.288.027.691
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.435.635.437	1.435.635.437
Số dư cuối kỳ	2.100.000.000.000	6.327.375.763	11.364.981.195	4.842.625.777	(229.811.319.607)	1.892.723.663.128

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.071.000.000.000	1.071.000.000.000
Vốn của các đối tượng khác	1.029.000.000.000	1.029.000.000.000
Cộng	2.100.000.000.000	2.100.000.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	210.000.000	210.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	210.000.000	210.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	210.000.000	210.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 154,28 USD (số đầu năm là 160,88 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản	23.826.727.977	-
Cộng	23.826.727.977	-

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh bất động sản	19.497.561.441	-
Cộng	19.497.561.441	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi Ngân hàng	869.984.057	491.129.817
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	74.819	-
Cộng	870.058.876	491.129.817

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	493.236.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	61.696
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(23.509.800)	140.605.352
Chi phí tài chính khác	29.342	29.324
Cộng	(23.480.458)	633.932.372

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.739.372.278	5.028.693.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.547.699	146.454.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.137.005	86.056.816
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.733.073.448	1.894.546.298
Các chi phí khác	4.130.091.209	2.447.788.461
Cộng	11.755.221.639	9.606.540.048

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.971.873.585	-
Tiền phạt Khách hàng vi phạm hợp đồng	127.145.521	514.577.757
Cộng	8.099.019.106	514.577.757

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	130.867.900	4.407.705
Chi phí khác	-	35.460.000
Cộng	130.867.900	39.867.705

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	5.739.372.278	5.028.693.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.137.005	86.056.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.916.355.467	1.894.546.298
Chi phí khác	4.236.638.908	2.597.243.217
Cộng	12.938.503.658	9.606.540.048

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí khấu hao Tài sản cố định vào Chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền là 9.333.336 VND (cùng kỳ năm trước là 207.407 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Dương Văn Mậu	Phó Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Quang Phụng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên HĐQT/ Phó TGĐ	352.350.000	60.000.000	412.350.000
Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	701.025.000	-	701.025.000
Ông Nguyễn Trung Vũ	Phó Tổng Giám đốc	383.850.000	-	383.850.000
Ông Nguyễn Doãn Dũng	Kế toán trưởng	319.200.000	-	319.200.000
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	-	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Ông Vũ Thái Dương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Cộng		1.756.425.000	408.000.000	2.164.425.000
Kỳ trước				
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Dương Văn Mậu	Phó Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Quang Phụng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên HĐQT/ Phó TGĐ	352.350.000	40.000.000	392.350.000
Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	706.650.000	-	706.650.000
Ông Nguyễn Trung Vũ	Phó Tổng Giám đốc	383.850.000	-	383.850.000
Ông Nguyễn Doãn Dũng	Kế toán trưởng	321.000.000	-	321.000.000
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	-	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Ông Vũ Thái Dương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Cộng		1.763.850.000	388.000.000	2.151.850.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng (Vinaconex CM)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Công ty con của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	211.160.503.528	323.823.239.072
Mua dịch vụ	1.065.811.636	1.049.469.800
Bán tài sản cố định	11.325.806.460	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex		
Mua hàng	861.111.111	570.000.000
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng (Vinaconex CM)		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	-	3.566.815.192

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.12 và V.16b.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Huy

Phạm Thị Thu Hương

Nguyễn Doãn Dũng